TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ - ST
Ngày 29/11/2017.
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải;
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Tuấn;
- Ông Trần Đức Liên;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ ***Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thị S**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2/ ***Bị đơn:*** Anh **Vũ Văn Đ,** sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam

(Tại phiên tòa có mặt chị S; anh Đ vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Phạm Thị S trình bày:

Chị và anh Vũ Văn Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 17/12/2005 trên cơ sở tự nguyện.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, cụ thể là việc anh Đ chơi lô đề, cơ bạc, cá độ bóng đá thua lỗ rồi về

đánh đập chị. Do không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2015 đến nay và từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Tại biên bản tự khai ngày 06/9/2017, anh Vũ Văn Đ trình bày: Anh xác nhận về điều kiện và thủ tục kết hôn như chị S trình bầy là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh cho rằng là do giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xẩy mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị S xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Chị S, anh Đ đều xác nhận, vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Thị Thu Tr, sinh ngày 29/9/2006. Hiện nay cháu Tr đang ở với anh Đ. Khi ly hôn, quan điểm của anh Đ xin nuôi cháu và yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật; quan điểm của chị S cho rằng hiện tại cháu Tr đang có cuộc sống ổn định với bà nội và anh Đ nên chị đồng ý để cháu Tr ở với anh Đ và chị sẽ coa trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ.

Về tài sản chung; công sức; công nợ của vợ chồng: Chị S và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/9/2017, chính quyền địa phương nơi anh Vũ Văn Đ sinh sống cho biết: Chị Phạm Thị S và anh anh Vũ Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, địa phương không nắm rõ, chỉ biết vợ chồng anh Đ sống ly thân nhau khoảng hai năm nay. Về con chung: anh chị có một con chung hiện đang sống cùng anh Đ và mẹ đẻ anh Đ tại Y.Nam; Về tài sản chung; công sức; công nợ: địa phương không nắm rõ. Nay chị S xin ly hôn anh Đ, quan điểm của chính quyền địa phương, đề nghị Tòa án căn cứ vào quan điểm của các bên và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị được ly hôn với anh Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng: các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ và Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Vũ Văn Đ; giao anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Thu Tr, sinh ngày 29/9/2006; Về tài sản, công sức, công nợ của vợ chồng không đặt ra giải quyết; Về án phí HNGĐ sơ thẩm chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của đ□ơng sự và đại diện Viện kiểm sát huyện Duy Tiên phát biểu việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN

* *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn là anh Vũ Văn Đ vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết. Ngày 6/9/2017 Tòa án báo anh Đ đến trụ sở UBND xã Y để làm việc anh Đ đã đến tự khai và được tiếp cận công khai chứng cứ cũng như trình bày quan điểm của mình về việc chị S xin ly hôn. Ngoài ra anh Đ cũng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

* *Về điều kiện thủ tục kết hôn*: Chị Phạm Thị S và Vũ Văn Đ kết hôn với trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2005 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

* *Về quan hệ tình cảm của vợ chồng*: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị S và anh Đ không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn xung đột. vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án báo gọi anh Đ rất nhiều lần đến Tòa án để hòa giải cho hai vợ chồng nhưng anh Đ không đến nên Tòa án không tổ chức hòa giải cho vợ chồng được. Anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không, việc chị S xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý và anh đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng sống ly thân như hiện nay của vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc. Do vậy, HĐXX cần giải quyết để chị S và anh Đ ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Thị Thu Tr, sinh ngày 29/09/2006. Căn cứ nguyện vọng nuôi con của chị S, anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Hiện tại cháu Tr đang ở với anh Đ và bà nội của cháu tại xã Y. Do vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như việc sinh hoạt, học hành và phát triển của cháu Tr, HĐXX cần tiếp tục giao cháu Tr cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật HN&GĐ và nguyện vọng của cháu Tr.

** Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức của vợ chồng:* Chị S, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

** Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị S phải chịu theo quy định tại khoản 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 NQ số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

** Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Thu Tr, sinh ngày 29/9/2006 cho đến khi cháu Tr trưởng thành, tự lập được. Chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức của vợ chồng*:* không đặt ra xem xét.

4.Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000135 ngày 07/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Nay chị S còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, chị S có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND huyện Duy Tiên;*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên;*
- *Các đương sự*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải